

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẾ GIỚI SỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

Số: 02/07-2016/BĐH/DGW

TP.HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2016

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh
Quý II/2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Đầu tiên, Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") xin gửi tới Quý Ủy ban lời chào trân trọng và hợp tác.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2016 của Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập ngày 18 tháng 07 năm 2016. Công ty giải thích nguyên nhân một số chỉ tiêu năm 2016 và năm 2015 giảm cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015	Tăng/ giảm (%)	Nguyên nhân
Doanh thu thuần	939.998.528.440	1.159.248.971.169	(19%)	Do sự sụt giảm doanh số bán hàng của nhãn Nokia
Lợi nhuận trước thuế	14.651.045.774	36.851.877.445	(60%)	

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu BĐH.



Đoàn Hồng Việt

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 26



Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kiên Phương
Bà Tô Hồng Trang

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,189,883,635,179	1,171,265,320,514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16,092,229,914	31,668,848,074
1. Tiền	111		16,092,229,914	31,668,848,074
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,900,000,000	4,900,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4,900,000,000	4,900,000,000
III. Các khoản phải thu	130		406,963,672,337	348,987,791,367
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		328,445,935,079	317,246,505,287
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		85,518,649,765	18,087,773,476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1,685,630,385	22,340,055,496
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(8,690,849,291)	(8,690,849,291)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,306,399	4,306,399
IV. Hàng tồn kho	140		645,914,599,381	669,576,016,876
1. Hàng tồn kho	141		645,914,599,381	669,576,016,876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		116,013,133,547	116,132,664,197
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13,006,367,421	16,334,943,484
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		103,006,766,126	99,797,720,713
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86,697,351,606	84,243,052,475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,324,220,000	2,324,220,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2,324,220,000	2,324,220,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		83,757,388,941	81,294,875,482
1. Tài sản cố định hữu hình	221		26,817,768,199	24,258,940,592
<i>Nguyên giá</i>	222		46,498,911,495	42,176,019,795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19,681,143,296)	(17,917,079,203)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		56,939,620,742	57,035,934,890
<i>Nguyên giá</i>	228		58,509,622,898	58,509,622,898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,570,002,156)	(1,473,688,008)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		615,742,665	623,956,993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		615,742,665	623,956,993
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,276,580,986,785	1,255,508,372,989

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		681,529,509,202	646,964,119,066
I. Nợ ngắn hạn	310		654,306,956,324	619,269,346,188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		152,824,983,274	153,198,530,675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,801,156,314	3,962,290,337
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		4,173,581,012	5,872,403,433
4. Phải trả người lao động	314		13,380,118,092	15,787,426,704
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,787,269,301	1,871,363,656
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		36,722,765,735	15,670,346,860
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		442,617,082,596	422,906,984,523
II. Nợ dài hạn	320		27,222,552,878	27,694,772,878
7. Phải trả dài hạn khác	337		4,322,552,878	4,794,772,878
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		22,900,000,000	22,900,000,000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		595,051,477,583	608,544,253,923
I. Vốn chủ sở hữu	410		595,051,477,583	608,544,253,923
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		306,133,290,000	306,133,290,000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306,133,290,000	306,133,290,000
3. - Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Thặng dư vốn cổ phần	412		152,617,941,416	152,617,941,416
7. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
10. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
13. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		142,173,183,333	155,665,959,673
14. - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		109,973,169,673	52,095,022,236
15. - LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32,200,013,660	103,570,937,437
## Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
17. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,276,580,986,785	1,255,508,372,989

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2016


Vũ Thị Mai Hân
 Người lập biểu


Võ Xuân Huy
 Kế toán trưởng


Đoàn Hồng Việt
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

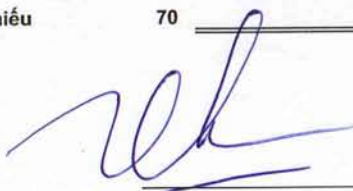
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	951,439,561,658	1,169,368,767,533	1,773,569,281,697	2,109,225,333,312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(11,441,033,218)	(10,119,796,364)	(22,470,541,982)	(17,102,848,526)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	939,998,528,440	1,159,248,971,169	1,751,098,739,715	2,092,122,484,786
4. Giá vốn hàng bán	11	(888,653,870,385)	(1,083,657,701,683)	(1,637,714,543,592)	(1,946,056,244,719)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	51,344,658,055	75,591,269,486	113,384,196,123	146,066,240,067
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3,327,082,651	1,919,548,873	8,617,511,426	3,030,459,678
7. Chi phí tài chính	22	(9,358,868,047)	(13,923,089,664)	(14,869,535,057)	(22,693,780,521)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	19,259,444,010	(8,247,055,554)	14,176,286,483	(14,253,637,102)
8. Chi phí bán hàng	24	(18,257,258,810)	(18,572,686,380)	(42,847,646,814)	(36,656,698,531)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(13,376,587,050)	(9,302,206,233)	(24,606,378,524)	(18,044,015,494)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	13,679,026,799	35,712,836,082	39,678,147,154	71,702,205,199
11. Thu nhập khác	31	1,409,297,048	1,487,712,675	1,640,193,477	5,752,853,314
12. Chi phí khác	32	(437,278,073)	(348,671,312)	(793,143,018)	(663,741,109)
13. Lợi nhuận khác	40	972,018,975	1,139,041,363	847,050,459	5,089,112,205
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14,651,045,774	36,851,877,445	40,525,197,613	76,791,317,404
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(3,125,011,011)	(8,264,723,448)	(8,325,183,953)	(17,051,400,239)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>11,526,034,763</u>	<u>28,587,153,997</u>	<u>32,200,013,660</u>	<u>59,739,917,165</u>
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	60	<u>11,526,034,763</u>	<u>28,587,153,997</u>	<u>32,200,013,660</u>	<u>59,739,917,165</u>
Trong đó: Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		11,526,034,763	28,587,153,997	32,200,013,660	59,739,917,165
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70			1,057	2,257



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,867,468,568,298	1,990,699,075,261
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2,188,953,989,899)	(2,272,342,753,013)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(42,632,417,317)	(25,829,255,913)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(13,928,610,351)	(14,747,451,703)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(10,316,506,431)	(21,448,179,625)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		546,101,424,419	504,635,632,995
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(160,408,958,772)	(194,356,277,623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,670,490,053)	(33,389,209,621)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4,322,891,700)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chi	27		239,455,520	296,082,065
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(4,083,436,180)	296,082,065

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	193,746,400,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		1,396,917,059,920	1,541,730,963,937
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,377,206,961,847)	(1,727,266,224,215)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28,532,790,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8,822,691,927)	8,211,139,722
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15,576,618,160)	(24,881,987,834)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31,668,848,074	68,267,019,973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		16,092,229,914	43,385,032,139



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyên giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 574 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 3 công ty con, trong đó:

- Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("DV")

DV là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313309149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015. DV có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology ("DT")

DT là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313318520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2015. DT có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty TNHH Một thành viên Wiko Việt Nam ("WK")

WK là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313331063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 7 năm 2015. WK có trụ sở chính tại Lầu 10, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

khí các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.238.555.942	983.783.096
Tiền gửi ngân hàng	<u>14.853.673.972</u>	<u>30.685.064.978</u>
TỔNG CỘNG	<u>16.092.229.914</u>	<u>31.668.848.074</u>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16. Công ty đã thế chấp tiền gửi ngân hàng trị 100.000 Đô la Mỹ để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn 1 năm vào Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất 6% một năm. Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16. Công ty đã thế chấp khoản tiền này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	49.904.033.953	54.205.289.525
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất Nhập	37.644.884.016	
Khẩu Viễn Thông A		42.380.556.897
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	16.444.741.691	8.814.798.145
Khác	<u>224.452.275.419</u>	<u>211.845.860.720</u>
TỔNG CỘNG	<u>328.445.935.079</u>	<u>317.246.505.287</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(8.690.849.291)</u>	<u>(8.690.849.291)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>319.755.085.788</u>	<u>308.555.655.996</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Invesia International Limited	27.049.832.777	11.319.444.647
DRAGON TECHNOLOGY DISTRIBUTION PTE.LTD	27.735.144.702	-
GOLDEN CHINA INTERNATIONAL COMPANY	25.105.023.754	-
Khác	5.628.648.532	6.768.328.829
TỔNG CỘNG	85.518.649.765	18.087.773.476

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	248.075.245	21.063.313.377
Tạm ứng cho nhân viên	1.096.974.165	411.802.147
Khác	340.580.975	864.939.972
	1.685.630.385	22.340.055.496
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	2.324.220.000	2.324.220.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	4.009.850.385	24.664.275.496

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	638.762.782.741	614.963.940.334
Hàng mua đang đi đường	7.165.351.890	38.895.751.176
Hàng gửi đi bán	17.730.746.373	15.098.173.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	547.397.856	618.151.545
TỔNG CỘNG	664.206.278.860	669.576.016.876

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16. Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	11.395.568.186	14.848.940.279
Công cụ, dụng cụ	1.610.799.235	1.486.003.205
TỔNG CỘNG	13.006.367.421	16.334.943.484

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	21.183.180.735	2.145.916.525	16.059.938.106	2.786.984.429	42.176.019.795
Mua mới	-	-	4.322.891.700	-	4.322.891.700
Số cuối kỳ	21.183.180.735	2.145.916.525	20.382.829.806	2.786.984.429	46.498.911.495
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp vay</i> <i>(Thuyết minh số 17)</i>	21.183.180.735	-	-	-	21.183.180.735
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(5.388.056.314)	(727.597.615)	(9.083.068.711)	(2.718.356.563)	(17.917.079.203)
Khấu hao trong kỳ	(426.802.548)	(192.508.086)	(1.117.298.824)	(27.454.635)	(1.764.064.093)
Số cuối kỳ	(5.814.858.862)	(920.105.701)	(10.200.367.535)	(2.745.811.198)	(19.681.143.296)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	15.795.124.421	1.418.318.910	6.976.869.395	68.627.866	24.258.940.592
Số cuối kỳ	15.368.321.873	1.225.810.824	10.182.462.271	41.173.231	26.817.768.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối kỳ	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp vay</i> <i>(Thuyết minh số 17)</i>	56.550.000.000	-	56.550.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(1.473.688.008)	(1.473.688.008)
Hao mòn trong kỳ	-	(96.314.148)	(96.314.148)
Số cuối kỳ	-	(1.570.002.156)	(1.570.002.156)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	56.550.000.000	485.934.890	57.035.934.890
Số cuối kỳ	56.550.000.000	389.620.742	56.939.620.742

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Asus Global Pte. Ltd.	86.102.581.270	30.185.973.198
Dell Global B.V (Singapore Branch)	26.958.267.680	21.831.158.500
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	4.295.668.624	43.288.643.718
Khác	35.468.465.700	57.892.755.259
TỔNG CỘNG	152.824.983.274	153.198.530.675

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>(Thuyết minh số 24)</i>	5.460.325.068	8.325.183.953	(10.316.506.431)	3.469.002.590
Thuế thu nhập cá nhân	309.356.073	4.200.436.333	(3.817.077.596)	692.714.810
Thuế giá trị gia tăng	102.722.292	1.835.858.163	(1.926.716.843)	11.863.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

TỔNG CỘNG **5.872.403.433** **14.361.478.449** **(16.060.300.870)** **4.173.581.012**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay	1.124.641.111	876.964.979
Chiết khấu thương mại	-	714.517.936
Chi phí hoạt động	662.628.190	279.880.741
TỔNG CỘNG	1.787.269.301	1.871.363.656

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 25)	25.960.000.000	8.800.000.000
Chi trả hộ	8.135.871.419	5.911.338.983
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	1.198.671.408	840.826.059
Khác	1.428.222.908	118.181.818
	36.722.765.735	15.670.346.860
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3.562.122.999	4.034.342.999
Khác	760.429.879	760.429.879
	4.322.552.878	4.794.772.878

16. VAY

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng	417.306.984.523	1.396.917.059.920	(1.374.406.961.847)	439.817.082.596
Vay dài hạn đến hạn trả	5.600.000.000		(2.800.000.000)	2.800.000.000
	422.906.984.523	1.396.917.059.920	(1.377.206.961.847)	442.617.082.596
Dài hạn				
Vay ngân hàng	22.900.000.000	-	-	22.900.000.000
TỔNG CỘNG	445.806.984.523			465.517.082.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn	18.400.000.000	Từ 14 tháng 4 năm 2016 đến 14 tháng 08 năm 2016	5	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	63.111.963.027	Từ 27 tháng 4 năm 2016 đến 16 tháng 10 năm 2016	5	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	180.200.000.000	Từ 20 tháng 04 năm 2016 đến 28 tháng 09 năm 2016	Từ 3,8 đến 5,6	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	178.105.119.569	Từ 21 tháng 04 năm 2016 đến 30 tháng 09 năm 2016	Từ 3,8 đến 5,3	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn
<u>439.817.082.596</u>				

16.2 Khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	<u>25.700.000.000</u>	Hoàn trả trong vòng 20 lần thanh toán, hàng quý, cho đến 25 tháng 12 năm 2019	9,0	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại 284A và 282 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn	22.900.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	2.800.000.000			

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	117.068.723.766	76.577.676.234	-	-	193.646.400.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	70.296.600.000	-	-	-	(70.296.600.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(23.432.200.000)	(23.432.200.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.570.937.437	103.570.937.437
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>155.665.959.673</u>	<u>608.544.253.923</u>
Năm nay						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.665.959.673	608.544.253.923
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	32.200.013.660	32.200.013.660
Số cuối kỳ	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>142.173.183.333</u>	<u>595.051.477.583</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Created Future	114.400.000.000	37.56	114.400.000.000	37.56
PYN Fund Management Ltd	30.426.310.000	9.99	30.626.310.000	10.05
Probus Opportunities	16.461.660.000	5.40	-	0.00
Bà Đặng Kiện Phương	17.327.050.000	5.69	17.327.050.000	5.69
Ông Đoàn Anh Quân	14.071.200.000	4.62	14.071.200.000	4.62
Ông Đoàn Hồng Việt	13.977.730.000	4.59	13.977.730.000	4.59
Bà Tô Hồng Trang	10.586.290.000	3.48	10.586.290.000	3.48
Các cổ đông khác	87.368.360.000	28.68	103.630.020.000	34.02
Cổ phiếu quỹ	1.514.690.000		1.514.690.000	
TỔNG CỘNG	306.133.290.000	100,00	306.133.290.000	100,00

17.3 Cổ tức

	VND	
	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức đã trả trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	70.296.600.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	28.532.790.000	14.632.200.000

17.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30.613.329	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	30.461.860	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.461.860	30.461.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu:	1.773.569.281.697	2.109.225.333.312
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.773.569.281.697	2.109.225.333.312
Trừ:		
Hàng bán bị trả lại	(22.470.541.982)	(17.102.848.526)
DOANH THU THUẦN	1.751.098.739.715	2.092.122.484.786

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	239.455.520	296.082.065
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.492.772.956	2.250.512.962
Chiết khấu thanh toán được hưởng	4.885.282.950	470.111.878
Khác	-	13.752.773
TỔNG CỘNG	8.617.511.426	3.030.459.678

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.637.714.543.592	1.946.056.244.719

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	25.155.070.345	15.996.851.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.848.864.810	19.174.956.765
Khác	3.843.711.659	1.484.889.809
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	13.639.797.264	9.819.812.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.937.357.472	4.883.825.134
Khác	4.029.223.788	3.340.378.120
TỔNG CỘNG	67.454.025.338	54.700.714.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay phải trả	14.176.286.483	14.253.637.102
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	425.893.957	2.853.453.767
Chiết khấu thanh toán	267.354.617	5.586.689.652
TỔNG CỘNG	14.869.535.057	22.693.780.521

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	1.640.193.477	5.752.853.314
Thu nhập từ hãng hỗ trợ	-	3.543.439.135
Khác	1.640.193.477	2.209.414.179
Chi phí khác	793.143.018	663.741.109
THU NHẬP THUẦN	847.050.459	5.089.112.205

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá mua hàng hóa	1.642.302.261.359	1.948.428.431.010
Chi phí nhân công	38.794.867.609	25.816.664.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.860.378.241	12.170.890.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.586.054.320	960.175.157
Chi phí bằng tiền khác	16.397.668.729	13.380.798.054
TỔNG CỘNG	1.705.941.230.258	2.000.756.958.744

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
Lợi nhuận thuần trước thuế	40.525.197.613	76.791.317.404
<i>Các điều chỉnh</i>		
Chi phí không được khấu trừ	851.509.184	714.489.468
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của kỳ trước	-	(3.543.439.135)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	41.376.706.797	73.962.367.737
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	8.325.183.953	16.271.720.902
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của kỳ trước	-	779.679.337
Chi phí thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	8.325.183.953	17.051.400.239
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.460.325.068	11.881.823.497
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(10.316.506.431)	(21.448.179.625)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	3.469.002.590	7.485.044.111

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức phải trả	<u>25.960.000.000</u>	<u>8.800.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	VND	
	<i>Kỳ nay</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lương và thưởng	<u>2.441.582.700</u>	<u>1.556.843.604</u>

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	32.200.013.660	59.739.917.165
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	30.461.860	26.473.823
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1.057	2.257

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm nay và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

27. CÁC CAM KẾT

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	283.302.080	3.157.929.876
Từ 1 đến 5 năm	3.648.000.000	3.744.000.000
TỔNG CỘNG	3.931.302.080	6.901.929.876

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.






Vũ Thị Mai Hân Võ Xuân Huy Đoàn Hồng Việt
 Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 07 năm 2016

